TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2020/DS-PT
Ngày: 10-3-2020
"V/v tranh chấp hợp đồng vay"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Phúc

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Quán

Bà Huỳnh Thị Hồng Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Vĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Chung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 03 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 98/2020/TLPT-DS ngày 13 tháng 01 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 81/2019/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 160/2020/QĐ-PT ngày 27 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1952.

Địa chỉ: Số nhà 33/3, ấp Bào D, xã Thanh Phú L, huyện Châu T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Văn V, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Số nhà 88A/5, ấp Vĩnh Xuân A, xã Dương Xuân Hội, huyện Châu T, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông Lê Hoàng D, sinh năm 1975

Địa chỉ: Số nhà 80/7, ấp Thanh H, xã Thanh Phú L, huyện Châu T, tỉnh Long An.

3. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Trần Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09 tháng 8 năm 2019, ngày 05 tháng 11 năm 2019, trong quá trình giải quyết vụ án tại phiên tòa ông Trần Văn V là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Văn T trình bày:

Vào ngày 13 tháng 7 năm 2016, ông T có cho ông D vay số tiền 840.000.000đồng, mục đích ông D vay tiền là để làm ăn, thỏa thuận lãi suất 1,5%/tháng, thời hạn trả tiền là 3 tháng. Từ ngày vay đến ngày 14/4/2019, ông D đã trả cho ông T số tiền 962.000.000đồng (thống nhất thời gian và số tiền trả như ông D trình bày trong bảng tự khai), trong đó có 20.000.000đồng ông D trả cho ông T để đáo hạn Ngân hàng. Sau khi trừ số tiền ông D đã trả cho ông T với lãi suất 1,5%/tháng và trừ số tiền 20.000.000đồng để ông T đáo hạn Ngân hàng, ông D còn nợ ông T số tiền 80.000.000đồng.

Ông D yêu cầu tính lại tiền lãi với lãi suất 1,5%/tháng với số tiền vay 1.000.000.000đồng từ ngày 13/3/2016 ông T không đồng ý, vì sau khi vay 1.000.000.000đồng, khấu trừ tiền vốn và lãi ông D đã trả, hai bên đã chốt số tiền ông D còn nợ ông T 840.000.000đồng vào ngày 13/7/2016 nên phải tính từ ngày 13/7/2016.

Nay ông T yêu cầu ông D phải trả cho ông T số tiền vay còn thiếu là 80.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi.

Ông Lê Hoàng D là bị đơn trình bày:

Từ năm 2014 đến năm 2016, ông có vay tiền của ông T nhiều lần. Vào ngày 13/3/2016 ông và ông T chốt số tiền còn nợ là 1.000.000.000đồng, mục đích ông vay tiền là để làm ăn, thỏa thuận lãi suất từ 4,5% - 6%/tháng, không có thỏa thuận thời hạn trả tiền. Sau khi vay số tiền 1.000.000.000đồng, ông đã trả vốn và lãi cho ông T số tiền 265.000.000đồng. Sau khi trừ số tiền đã trả, ngày 13 tháng 7 năm 2016 ông viết lại giấy nợ ông T số tiền 840.000.000đồng. Từ ngày chốt nợ 840.000.000đồng ông đã trả cho ông T tiền vốn và lãi 962.000.000đồng (từ ngày 13/7/2016 đến ngày 14/4/2019). Tổng số tiền ông đã trả là 1.227.000.000đồng (có biên nhận đầy đủ).

Nay ông T yêu cầu ông phải trả số tiền vay còn thiếu là 80.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi, ông không đồng ý. Ông yêu cầu Tòa án tính lại số tiền ông vay của ông T với lãi suất 1,5%/tháng, số tiền mỗi tháng ông trả còn dư trừ vào tiền gốc. Trường hợp Tòa án tính lại tiền lãi theo quy định của luật, nếu ông trả dư thì ông cũng không yêu cầu ông T phải trả lại cho ông.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 81/2019/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu T đã tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T về việc yêu cầu ông Lê Hoàng D phải trả số tiền vay 80.000.000đồng (Tám mươi triệu đồng).

2. Về án phí: Ông Trần Văn T được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và hướng dẫn thi hành án.

Ngày 13/12/2019 nguyên đơn ông Trần Văn T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án buộc ông D phải trả cho ông 80.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Phần tranh luận: Các đương sự không tranh luận.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về chấp hành pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án:

Ông T kháng cáo yêu cầu ông D phải trả tiền lãi với mức lãi suất 1,5%/tháng là không phù hợp vì giao dịch giữa các bên được xác lập và thực hiện vào ngày 13/7/2016 nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết. Do đó, ông T yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 1,5%/tháng là vượt quá quy định tại Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 nên không chấp nhận.

Đối với yêu cầu cấn trừ 20.000.000đồng trong tổng số 962.000.000đồng ông D đã trả cho ông T vào số tiền đáo nợ ngân hàng là không có căn cứ. Vì trong giấy vay ngày 13/7/2016 không có thỏa thuận này và tại phiên tòa ông D cũng không thừa nhận việc phụ ông T đáo nợ ngân hàng. Ông T cung chứng cứ mới có ghi số tiền ông D trả là tiền đáo hạn ngân hàng, nhưng chữ viết trong giấy này là của ông T và không được ông D thừa nhận nên không chấp nhận.

Từ những nhận định trên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông T giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của nguyên đơn ông T đúng quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Ông T kháng cáo yêu cầu ông D phải trả số tiền vay còn nợ 80.000.000đồng. Xét thấy:

[2.1] Ông T và ông D trình bày thống nhất là ông T có cho ông D vay tiền nhiều lần, tính đến ngày 13/7/2016 hai bên chốt nợ ông D còn nợ ông T số tiền 840.000.000đồng và từ ngày 13/7/2016 đến ngày 14/4/2019 ông D đã trả cho ông T tổng số tiền là 962.000.000 đồng. Căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự đây là tình tiết không cần chứng minh.

[2.2] Ông T kháng cáo yêu cầu trừ 20.000.000đồng trong số tiền 962.000.000đồng ông D đã trả cho ông để ông đáo hạn Ngân hàng. Xét thấy ông T vay tiền của ngân hàng không liên quan đến ông D, hơn nữa trong giấy nợ ngày 13/7/2016 không thể hiện việc cấn trừ này. Tại phiên tòa ông T trình bày

giữa hai bên có thỏa thuận miệng về việc ông D phụ ông T đáo hạn ngân hàng nhưng không được ông D thừa nhận. Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm ông T cung cấp hai giấy ông D trả tiền trên giấy có ghi là phụ đáo hạn ngân hàng, nhưng ông T xác định đó là chữ viết của ông không phải chữ viết của ông D nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu này của ông T.

[2.3] Về mức lãi cho vay: Trong giấy nợ ngày 13/7/2016 không thể hiện thời gian trả và cũng không thể hiện mức lãi suất vay. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông T cho rằng mặc dù trong giấy nợ không ghi mức lãi suất vay nhưng hai bên thỏa thuận miệng lãi suất vay là 1,5%/tháng và bên ông D cũng đồng ý với mức lãi suất 1,5%/tháng tính từ ngày viết giấy nợ (ngày 13/7/2016). Việc các bên thỏa thuận mức lãi suất vay 1,5%/tháng là vượt quá quy định tại Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 nên án sơ thẩm điều tiết lại số tiền lãi ông D đã trả cho ông T, số tiền lãi trả thừa được cấn trừ vào tiền gốc là đúng quy định của pháp luật. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận. Tuy nhiên, ông T được miễn án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn T;

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 81/2019/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu T;

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các điều 474, 476, 477 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Các điều 12, 26, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T về việc yêu cầu ông Lê Hoàng D phải trả số tiền vay 80.000.000đồng (Tám mươi triệu đồng).

2. Về án phí: Ông Trần Văn T được miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Châu T;
- Chi cục THADS huyện Châu T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Thị Phúc